

Bản án số: 155/2024/HNGĐ - ST

Ngày 30 tháng 8 năm 2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật và bà Hồ Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 519/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thiên T, sinh năm 1998; Địa chỉ: số F T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0943.574.338 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số B khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0949.524.971 (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện quen biết tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang vào ngày 31/8/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên Ý. Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Thiên Ý trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn V không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Tấn V được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;
- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thiên Ý. Để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận giao con chung tên Thiên Ý cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Tấn V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thiên T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn V. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ

vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tấn V mặc dù đã ký nhận trực tiếp, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng ông V không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập, điều này cho thấy ông V đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T cương quyết yêu cầu ly hôn, ông V cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông V, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thiên Ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Thiên Ý chưa thành niên, đang được bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm để ổn định cuộc sống của cháu Thiên Ý không bị ảnh hưởng tâm sinh lý về việc cha, mẹ ly hôn và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung. Mặt khác, ông V không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà T về việc giao cháu Thiên Ý cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thiên Ý cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là chính đáng và có cơ sở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Tấn V không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông V thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ (một phần hai) mức lương cơ sở do nhà nước quy định đối với một người con chưa thành niên. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2024 bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ý mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của ông V phản đối đối với yêu cầu của bà T.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thiên T, buộc ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021 mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên Ý đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thiên T đối với ông Nguyễn Tấn V.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thiên T đối với ông Nguyễn Tấn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thiên T và ông Nguyễn Tấn V ngày 31/8/2020 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021 cho bà Nguyễn Thị Thiên T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Ông Nguyễn Tấn V không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông V thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng Thiên Ý, sinh ngày 04/4/2021 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên Ý đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Thị Thiên T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị Thiên T và ông Nguyễn Tấn V vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thiên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002322 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Ông Nguyễn Tấn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Liên Lê Thành Thật

Nguyễn Thị Dung